

Số: 36/QĐ-THPTNNT

Phước Long, ngày 14 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách quý 2 - năm 2026**  
**Trường THPT Nguyễn Ngọc Thắng**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN NGỌC THẮNG**

*Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Tiểu học, Trường Trung học cơ sở, Trường Trung học phổ thông và Trường phổ thông có nhiều cấp học;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 3373/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc giao dự toán ngân sách năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long.*

*Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường THPT Nguyễn Ngọc Thắng;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách quý 2 năm 2026 của Trường THPT Nguyễn Ngọc Thắng (biểu số 75 đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các phó Hiệu trưởng, bộ phận văn phòng, và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HSKT;

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Thanh Danh**

Chương: 422

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH  
QUÝ 2-2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;  
Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường THPT Nguyễn Ngọc Thắng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2/2026 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                                             | Dự toán năm | Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%) |
|-------|----------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1     | 2                                                                    | 3           | 4                             | 5                                   | 6                                                                      |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí                          |             |                               |                                     |                                                                        |
| I     | Số thu phí, lệ phí                                                   |             |                               |                                     |                                                                        |
| 1     | Lệ phí                                                               |             |                               |                                     |                                                                        |
| 2     | Phí                                                                  |             |                               |                                     |                                                                        |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại                                     |             |                               |                                     |                                                                        |
| 1     | Chi sự nghiệp....                                                    |             |                               |                                     |                                                                        |
| a     | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                    |             |                               |                                     |                                                                        |
| b     | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                              |             |                               |                                     |                                                                        |
| 2     | Chi quản lý hành chính                                               |             |                               |                                     |                                                                        |
| a     | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                |             |                               |                                     |                                                                        |
| b     | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                          |             |                               |                                     |                                                                        |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                |             |                               |                                     |                                                                        |
| 1     | Lệ phí                                                               |             |                               |                                     |                                                                        |
| 2     | Phí                                                                  |             |                               |                                     |                                                                        |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                       | 11.499      | 2.930                         | 25,48                               |                                                                        |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                                           | 11.499      | 2.930                         | 25,48                               |                                                                        |
| 1     | Chi quản lý hành chính                                               |             |                               |                                     |                                                                        |
| 1.1   | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                |             |                               |                                     |                                                                        |
| 1.2   | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                          |             |                               |                                     |                                                                        |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số |             |                               |                                     |                                                                        |
| 2.1   | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công                            |             |                               |                                     |                                                                        |



|           |                                                                                               |               |              |              |  |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------|--------------|--|
|           | nghệ                                                                                          |               |              |              |  |
| -         | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ       |               |              |              |  |
| -         | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ |               |              |              |  |
| 2.2       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |               |              |              |  |
| 2.3       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |               |              |              |  |
| -         | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo                                                 |               |              |              |  |
| -         | Nhiệm vụ chuyển đổi số                                                                        |               |              |              |  |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>                                                        | <b>11.499</b> | <b>2.930</b> | <b>25,48</b> |  |
| 3.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             | 565           |              |              |  |
| 3.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       | 10.934        | 2.930        | 26,8         |  |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                                                 |               |              |              |  |
| 4.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |               |              |              |  |
| 4.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |               |              |              |  |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                                     |               |              |              |  |
| 5.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |               |              |              |  |
| 5.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |               |              |              |  |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                                  |               |              |              |  |
| 6.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |               |              |              |  |
| 6.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |               |              |              |  |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                                        |               |              |              |  |
| 7.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |               |              |              |  |
| 7.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |               |              |              |  |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                                                        |               |              |              |  |
| 8.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |               |              |              |  |
| 8.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |               |              |              |  |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                                       |               |              |              |  |
| 9.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |               |              |              |  |
| 9.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |               |              |              |  |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                                                         |               |              |              |  |
| 10.1      | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |               |              |              |  |
| 10.2      | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |               |              |              |  |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                                                                     |               |              |              |  |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                 |               |              |              |  |
| 1.1       | Dự án A                                                                                       |               |              |              |  |

|            |                                                                             |  |  |  |  |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 1.2        | Dự án B                                                                     |  |  |  |  |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b> |  |  |  |  |
| 2.1        | Dự án A                                                                     |  |  |  |  |
| 2.2        | Dự án B                                                                     |  |  |  |  |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>                          |  |  |  |  |
| 3.1        | Dự án A                                                                     |  |  |  |  |
| 3.2        | Dự án B                                                                     |  |  |  |  |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                               |  |  |  |  |
| 4.1        | Dự án A                                                                     |  |  |  |  |
| 4.2        | Dự án B                                                                     |  |  |  |  |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                   |  |  |  |  |
| 5.1        | Dự án A                                                                     |  |  |  |  |
| 2.2        | Dự án B                                                                     |  |  |  |  |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                |  |  |  |  |
| 6.1        | Dự án A                                                                     |  |  |  |  |
| 6.2        | Dự án B                                                                     |  |  |  |  |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                      |  |  |  |  |
| 7.1        | Dự án A                                                                     |  |  |  |  |
| 7.2        | Dự án B                                                                     |  |  |  |  |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                                      |  |  |  |  |
| 8.1        | Dự án A                                                                     |  |  |  |  |
| 8.2        | Dự án B                                                                     |  |  |  |  |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                     |  |  |  |  |
| 9.1        | Dự án A                                                                     |  |  |  |  |
| 9.2        | Dự án B                                                                     |  |  |  |  |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                                       |  |  |  |  |
| 10.1       | Dự án A                                                                     |  |  |  |  |
| 10.2       | Dự án B                                                                     |  |  |  |  |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                                              |  |  |  |  |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                               |  |  |  |  |
| 1.1        | Dự án A                                                                     |  |  |  |  |
| 1.2        | Dự án B                                                                     |  |  |  |  |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b> |  |  |  |  |
| 2.1        | Dự án A                                                                     |  |  |  |  |
| 2.2        | Dự án B                                                                     |  |  |  |  |



|           |                                                         |  |  |  |  |
|-----------|---------------------------------------------------------|--|--|--|--|
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |  |  |  |
| 3.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 3.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |  |  |  |
| 4.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 4.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |  |  |  |
| 5.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 2.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |  |  |  |
| 6.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 6.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |  |  |  |
| 7.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 7.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |  |  |  |
| 8.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 8.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |  |
| 9.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 9.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |  |  |  |
| 10.1      | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 10.2      | Dự án B                                                 |  |  |  |  |

Phước Long, Ngày 14 tháng 7 năm 2026

**Thủ trưởng đơn vị**

(Chữ ký, dấu)



**Lê Thanh Danh**

HNIA HN